| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ TỪ SƠN**<br>**TỈNH BẮC NINH**<br>Bản án số: 04 /2020/DSST<br>Ngày: 21/02/2020<br>*V/v: Tranh chấp kiện đòi quyền sử dụng đất nông nghiệp* | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do - Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến H
- Các Hội Thẩm:Ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Đăng T
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến P- Thẩm tra viên TAND thị xã Từ Sơn.
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh thị xã Từ Sơn tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị LH - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2018/TLST- DS ngày 18/6/2018 về "Tranh chấp kiện đòi quyền sử dụng đất nông nghiệp".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐ-PT ngày 27/12/2019 của Tòa án nhân dân thị xã từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Tiến T – sinh năm 1933.

HKTT; Thôn HQ, xã TG, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1966, nơi cư trú: Thôn HQ, xã TG, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu V – sinh năm 1955 (có mặt).

Bà Nguyễn Thị M - sinh năm 1955 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: thôn HQ, xã TG, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

3. Người có quyền lợi, Na vụ liên quan: Anh Nguyễn Hữu D, sinh năm 1983, nơi cư trú: Thôn HQ, xã TG, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Phía nguyên đơn: Ông Ngô Tiến T - đại diện là bà Ngô Thị Đ trình bày: Năm 1992 Hợp tác xã (HTX) đã tiến hành chia lại ruộng nông nghiệp cho toàn bộ xã viên. Năm 1995, UBND huyện Tiên Sơn (cũ, nay là thị xã Từ Sơn) đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp (GCN QSDĐNN) cho các hộ gia đình xã viên trong hợp tác xã. Trong đó gia đình ông Nguyễn Hữu V đã được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 221 (2), tờ bản đồ số 03, diện tích 1367m$^2$ (nay là

thửa đất số 1678, tờ bản đồ số 8, diện tích 1302,5m2) tại thôn HQ, xã TG, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Do không có nhu cầu sử D nên khoảng từ năm 1995 đến 1997 gia đình ông Nguyễn Hữu V đã làm đơn trả lại Hợp tác xã 5 thước đất (120$m^2$) trong số diện tích đất trên và không đóng sản phẩm hàng năm. Năm 1997, đội sản xuất 23- 24 đã giao cho ông Ngô Tiến T thửa ruộng mà gia đình ông V đã trả lại HTX có giấy xác nhận của UBND xã TG nhưng ông T đã đánh mất hết giấy tờ trên. Từ năm 1997 ông T đã trồng bạch đàn và chuối trên thửa đất được đội sản xuất giao cho và đóng sản phẩm cho HTX từ đó đến nay. Ngày 01/8/2015 (âm lịch) ông Nguyễn Hữu V đã chặt phá các cây trồng của ông T đồng thời chiếm giữ trái phép thửa đất mà gia đình ông T đã canh tác từ năm 1997. Năm 2015 việc gia đình ông V được cấp lại GCNQSDĐ Nông nghiệp trong đó có 120$m^2$ đất này ông T hoàn toàn không biết. Ông T yêu cầu ông V, bà M trả lại cho ông diện T 120$m^2$ ruộng canh tác tại Cánh đồng Dộc Sau thuộc thôn HQ, xã TG, thị xã Từ Sơn mà đội sản xuất 23- 24 đã giao cho ông Ngô Tiến T năm 1997.

Đối với việc gia đình ông V phá hủy các cây trồng và tiền sản lượng hàng năm mà gia đình ông T đóng từ 1997 thì ông không yêu cầu gia đình ông V phải bồi thường.

Ngày 16/09/2015, ông T có làm đơn đề nghị UBND xã TG, lãnh đạo thôn HQ về việc gia đình ông đã đóng sản phẩm của thửa đất 120$m^2$ được 20 năm, qua ba thư ký đội các ông bà gồm: Ông Nguyễn Hữu A thư ký đội 23 đến năm 1998, ông Phan Viết N thư ký đội 23 từ năm 1998 đến năm 2006, bà Phan Thị P thư ký đội 23 từ năm 2007 đến năm 2015, ông Nguyễn Hữu Đ, nguyên trưởng thôn HQ, ông Nguyễn Hữu H, phó chủ tịch UBND xã TG đã cùng nhau ký xác nhận bên dưới nội dung đơn của ông T, xác nhận những gì ông T nêu trong đơn là đúng.

Phía bị đơn: Ông Nguyễn Hữu V, bà Nguyễn Thị M trình bày: Về nội dung liên quan đến nguồn gốc, diện tích của thửa đất tranh chấp đúng như nguyên đơn trình bầy. Với các nội dung khác ông V trình bầy: Sau khi được cấp cho thửa ruộng trên, do phần ruộng trên có vị trí nằm tiếp giáp với đường đi nên gia đình ông V có đơn đề nghị với HTX thôn HQ chừa ra 120$m^2$, phần tiếp giáp với đường đi và là 01 phần trong tổng số diện tích 1302,5$m^2$, để làm diện tích lưu không. Tuy nhiên, yêu cầu của gia đình ông không có ai giải quyết. Đến năm 1999, gia đình ông T tự ý ra đào thùng vôi và chiếm giữ trên phần đất mà gia đình ông đã có đơn đề nghị làm diện T lưu không. Từ năm 1999 không có ai canh tác trên diện tích đất trên nên đến năm 2015, gia đình ông có dựng lán trên phần ruộng có diện tích 1367$m^2$ (nay là 1302,5$m^2$) nhưng sau đó địa phương đã yêu cầu gia đình ông V tháo dỡ do vi phạm mục đích sử dụng đất. Từ năm 1997 đến trước khi xảy ra tranh chấp ông bà không biết đội sản xuất đã tự ý giao 120$m^2$ đất tại cánh ĐD Sau cuối thôn TG trái thẩm quyền cho ông T. Trên thực tế gia đình ông T không cấy lúa canh tác trên thửa đất này mà chỉ đào thùng vôi và trồng chuối. Do thửa đất trên khó canh tác

nên ông đề nghị HTX làm lưu không để giảm hoặc không phải đóng sản phẩm hàng năm. Từ năm 1997 ông T tự ý đóng sản phẩm trên diện tích này ông bà không biết. Ông V, bà M không đóng vì phần diện tích trên khó canh tác, thư ký đội báo phải có N vụ đóng bao nhiêu thì gia đình ông, bà đóng như thế. Năm 2004 ông V có đề nghị HTX cắt lưu không thì HTX không có giấy tờ hay thông báo gì giải quyết đơn của ông. Thửa đất này Ông V, bà M, anh D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995 và 2015, nhà nước chưa thu hồi nên ông V, bà M cho rằng diện tích 120m$^2$ tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của gia đình ông, bà nên đề nghị bác yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và N vụ liên quan, anh Nguyễn Hữu D vắng mặt tại phiên tòa song có lời khai: Năm 1995 gia đình anh được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất ruộng là 1367m$^2$ (nay là 1302,5m$^2$). Phần diện tích 120m$^2$ đang tranh chấp là UBND huyện cấp cho Ông V, bà M và anh nằm trong diện tích đất ruộng đã được cấp cho gia đình anh, nên anh đề nghị bác yêu cầu của nguyên đơn.

Ngày 08/11/2018, Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn đã ra Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ số 49/2018/QĐ- XXTĐTC về việc định giá tài sản và thành lập Hội đồng định giá tài sản đang tranh chấp gồm thửa đất nông nghiệp số: 221, tờ bản đồ số 03, diện tích 120m$^2$ở địa chỉ thôn HQ, xã TG, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh để tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với thửa đất nông nghiệp đang có tranh chấp.

Ngày 15/11/2018, sau khi đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ xác định tài sản đang tranh chấp có hiện trạng như sau:

+ Thửa đất nông nghiệp số 221 tờ bản đồ số 3 diện tích 1367m$^2$ (nay là thửa đất số 1678, tờ bản đồ số 8 diện tích là 1302,5m$^2$ tại thôn HQ, xã TG, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Phần diện tích đất nông nghiệp đang có tranh chấp là 120m$^2$ nằm ở phía Tây của thửa ruộng có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa 1677 có chiều dài là 11,95m; Phía Nam chiều dài 10,87m giáp khu dân cư; phía Đông giáp phần diện tích đất còn lại của thửa số 1678 có chiều dài 15,02m; Phía Tây giáp đường ra N địa thôn HQ có chiều dài 8,11m. Trên thửa đất có các công trình như sau: Khu chăn nuôi tường xây gạch, mái lợp proximăng đã mục nát; phần đất giáp đường ra N địa có quây tôn. Toàn bộ công trình trên phần diện tích đất đang tranh chấp đã bị UBND thị xã Từ Sơn lập biên bản, cưỡng chế buộc tháo dỡ. Trên phần diện tích đất đang tranh chấp không trồng hoa màu và cây cối lâu năm. Hiện tại không có ai canh tác. Cùng ngày căn cứ vào nội dung của việc xem xét thẩm định tại chỗ Hội đồng định giá tài sản đã định giá theo qui định của UBND tỉnh Bắc Ninh thì 1m$^2$ đất nông nghiệp có giá là 439.000 đồng. Như vậy tổng giá trị của 120m$^2$ x 439.000 đồng = 52.680.000 đồng.

Sau khi TAND thị xã Từ Sơn đã chuyển hồ sơ cho VKSND thị xã Từ Sơn, ngày 20/01/2020 VKSND thị xã Từ Sơn đã có công văn số: 02/VKS-DS yêu cầu TAND thị xã Từ Sơn thu thập chứng cứ theo nội dung sau:

- Yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn tiến hành thu thập tài liệu liên quan đến việc từ năm 1997 đến năm 2015 ông V có biết việc đội sản xuất thôn HQ giao 120m$^2$ đất cho ông T không? Trong khoảng thời gian đó có biết ông T năm nào cũng đóng sản lượng không? Tại sao ông V chỉ đóng 1088m$^2$ mà không đóng 120m$^2$ còn lại?

- Yêu cầu Tòa án tiến hành lấy lời khai những cán bộ thôn HQ công tác từ năm 1995 đến nay, đội trưởng đội sản xuất 23-24 về việc căn cứ vào đâu giao cho ông T 120m$^2$ đất để canh tác? Việc giao đất có được lập thành biên bản? có báo cáo ủy ban nhân dân xã TG bằng văn bản không?

- Yêu cầu Tòa án làm rõ năm 1995 ông V làm đơn xin trả lại 120m$^2$ đất do ô nhiễm nước thải hay đơn xin không phải đóng 120m$^2$ sản lượng?

Theo yêu cầu về việc VKSND thị xã Từ Sơn đề nghị, TAND thị xã Từ Sơn xét thấy việc xác minh thu thập chứng cứ theo nội dung VKSND thị xã Từ Sơn yêu cầu là cần thiết nên đã tiến hành thu thập đầy đủ những chứng cứ mà VKSND thị xã Từ Sơn đã đề nghị nội dung cụ thể như sau:

Kết quả làm việc với các thư ký đội sản xuất 23-24 thôn HQ là các ông, bà: Nguyễn Hữu A, Phan Viết N, Đỗ Thị P qua các thời kỳ từ năm 1997 đến nay cung cấp: Thửa đất tại xứ ĐD sau thôn HQ có diện tích 120m$^2$ đã được nhà nước cấp cho hộ ông Nguyễn Hữu V năm 1995. Tuy nhiên ông V không cấy lúa mà cho thuê để đào đất đóng gạch dẫn đến thửa đất không thể canh tác được. Năm 1997 gia đình ông V làm đơn trả lại đội sản xuất thửa đất này để làm lưu không và không đóng sản phẩm. Ông A đã tiếp nhận đơn và họp đội sản xuất thống nhất đề nghị để thôn - HTX và UBND xã TG giao lại thửa đất trên cho ông Ngô Tiến T. Ông A đã nộp đơn cho ông Nguyễn Hữu Đ là chủ nhiệm HTX kiêm trưởng thôn xác nhận đơn đề nghị này và chuyển lên UBND xã TG giải quyết. UBND xã TG do ông Vũ Văn S chủ tịch xã ký xác nhận đơn của ông Nguyễn Hữu V trả lại đất và giao lại thửa đất này cho cá nhân ông Ngô Tiến T sau đó ký đóng dấu vào chính đơn đề nghị trả lại đất của ông Nguyễn Hữu V. Văn bản này đã giao trực tiếp cho ông Ngô Tiến T cầm HTX và UBND xã không lưu. Từ đó đến nay ông T sử dụng thửa đất này và đóng sản phẩm cho nhà nước và HTX thôn HQ từ năm 1997 đến nay.

Đối với nội dung xác minh ông Vũ Văn S nguyên là Chủ tịch UBND xã TG giai đoạn 1994-2004 cung cấp: Ông S nhận được đơn của ông Nguyễn Hữu Đ nguyên là trưởng thôn HQ. Nội dung đơn trình bày sự việc hộ gia đình ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị M từ chối canh tác thửa đất thuộc cánh ĐD sau thôn HQ có diện tích 120m$^2$. Sau đó thư ký đội là ông Nguyễn Hữu A đã họp và thống nhất giao cho cá nhân ông Ngô Tiến T thửa đất trên. Đơn này có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Hữu A và Nguyễn Hữu Đ. Sau khi nhận đơn ông thấy nội

dung đơn phù hợp với thực tế nên với tư cách là chủ nhiệm HTX nông nghiệp và Chủ tịch UBND xã TG ông đã ký xác nhận sự việc ông V, bà M từ chối không canh tác thửa đất trên và giao lại quyền sử dụng cho cá nhân ông Ngô Tiến T sau đó đóng dấu với tư cách là đại diện UBND xã TG. Ông S khẳng định văn bản đó có chữ ký xác nhận của ông chứ không phải là quyết định giao đất cho ông T riêng biệt. UBND xã và UBND thị xã Từ Sơn chưa có quyết định thu hồi đất đối với thửa đất gia đình ông V và chưa có quyết định giao đất cho ông T. Văn bản ông S ký xác nhận đã giao cho ông T và UBND xã không lưu văn bản này.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã từ Sơn phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc Toà án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời hạn theo quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, điều tra xác minh, ra các văn bản tố tụng, cũng như các thủ tục tố tụng tại phiên toà đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tiến hành tố tụng, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và N vụ liên quan chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Đề nghị HĐXX căn cứ các điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 158, 163, 169, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 24 luật đất đai năm 1993; Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 về việc ban hành văn bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử D ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp; Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí: Ông Ngô Tiến T sinh năm 1933 do vậy cần miễn án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà ông T đã nộp ngày 18/6/2018 hoàn trả cho ông Ngô Tiến T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa ngày 15/4/2019 đại diện VKSND thị xã Từ Sơn đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ HĐXX đã ra Quyết định tạm ngừng phiên tòa là phù hợp qui định tại Điều 259 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khi đã hết một tháng kể từ ngày HĐXX ra Quyết định tạm ngừng phiên tòa mà lý do của việc tạm ngừng phiên tòa chưa khắc phục được, thay mặt Hội đồng xét xử Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số: 13/2019/QĐST - DSST ngày 15/5/2019 theo qui định tại Điều 214 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 27/6/2019 khi có công văn trả lời của Phòng tài nguyên và môi

trường thị xã Từ Sơn, TAND thị xã Từ Sơn đã ra Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số: 16/2019/QĐST-DS theo qui định tại Điều 216 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 21/01/2020 người có quyền lợi và Na vụ liên quan là anh Nguyễn Hữu D vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa, HĐXX đã ra quyết định hoãn phiên là phù hợp qui định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn HĐXX xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là: "Tranh chấp quyền sử dụng đất nông nghiệp".

[3] Về nội dung của vụ án:

Tại phiên tòa, bà Ngô Thị Đ là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Hữu V, bà Nguyễn Thị M phải trả ông T diện tích đất 120m$^2$ trong thửa đất số 1678, tờ bản đồ số 8, diện T 1302,5m$^2$) tại thôn HQ, xã TG, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Phía bị đơn là ông Nguyễn Hữu V, bà Nguyễn Thị M giữ nguyên đề nghị HĐXX bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng: Phần diện tích 120m$^2$ nằm trong tổng diện tích 1367m$^2$ thuộc thửa đất số số 221 (2), tờ bản đồ số 03 (nay là thửa đất số 1678, tờ bản đồ số 8, diện tích 1302,5m$^2$) tại thôn HQ, xã TG, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đã được Nhà nước giao cho ông, bà và anh D theo đúng qui định của Pháp luật. Từ khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cho đến nay thì ông , bà và anh D vẫn sử D mà chưa có Quyết định thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền. Việc đội sản xuất, thôn HQ, xã TG giao 120m$^2$ đất nông nghiệp của gia đình ông cho ông Ngô Tiến T thì gia đình ông, bà và anh D không được biết, việc giao nhận này dù có thật thì cũng trái qui định của pháp luật, nên việc ông Ngô Tiến T đào thùng vôi, trồng chuối trên phần diện tích 120m$^2$ đất là hành vi sử dụng đất không hợp pháp.

Qua xem xét Hội đồng xét xử nhận định: Thực hiện chính sách pháp luật của nhà nước, năm 1995 các hộ gia đình thuộc HTX thôn HQ đã được UBND huyện Tiên Sơn cũ, nay là UBND thị xã Từ Sơn cấp GCNQSDĐNN trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Hữu V được cấp diện tích 1367m$^2$ thuộc thửa đất số số 221 (2), tờ bản đồ số 03 (nay là thửa đất số 1678, tờ bản đồ số 8, diện tích 1302,5m$^2$) tại thôn HQ, xã TG, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Đến năm 1997, gia đình ông V có đơn đề nghị HTX chuyển đổi 120m$^2$ tại cánh đồng Dộc giữa, phần đất ruộng giáp với đường đi nằm trong diện T 1367m$^2$ thành diện T đất lưu không, nhưng khi chưa có giải quyết của chính quyền ông V đã không đóng tiền sản lượng cho địa phương đối với phần diện T đất120m$^2$ trên. Mặc dù thửa đất trên chưa được UBND thị xã Từ Sơn thu hồi nhưng phần diện tích đất 120m$^2$ đã được đội sản xuất 23-24 thôn HQ đã tự ý giao cho gia đình ông Ngô Tiến T để sử dụng và thu tiền tăng sản hàng năm. Ông T đã đóng sản lượng từ năm 1997 đến nay. Năm 2015, gia đình ông V và gia đình ông T xảy ra tranh chấp đối với diện tích đất 120m$^2$.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn đề nghị buộc ông Nguyễn Hữu V, bà Nguyễn Thị M phải trả ông T diện tích đất 120m$^2$ trong thửa đất số 1678, tờ bản đồ số 8, diện tích 1302,5m$^2$) tại thôn HQ, xã TG, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Tại Kết luận của Thanh tra thị xã Từ Sơn theo văn bản số: 43/BC-TTr cũng khẳng định: Diện tích đất nông nghiệp mà ông T cho rằng là đất của ông T đã được đội sản xuất 23-24 khi đó thư ký đội là ông Nguyễn Hữu A giao đất cho ông, văn bản này được ông Nguyễn Hữu Đ là trưởng thôn HQ, ông Vũ Văn S là Chủ tịch xã TG ký xác nhận và có dấu của UBND xã TG là không có cơ sở. Bởi lẽ việc gia đình ông Nguyễn Hữu V có đơn đề nghị HTX chuyển đổi 120m$^2$ tại cánh ĐD giữa, phần đất ruộng giáp với đường đi nằm trong diện tích 1367m$^2$ thành diện tích đất lưu không. Hợp tác xã thôn HQ cũng như các cấp chính quyền chưa giải quyết yêu cầu của gia đình ông V. Qua xác minh các thư ký đội qua các thời kỳ từ 1997 đến nay, trưởng thôn là ông Nguyễn Hữu Đ, Chủ tịch UBND xã TG giai đoạn 1994-2004 là ông Vũ Văn S đều cung cấp: việc đội sản xuất, thôn HQ, UBND xã TG giao đất cho cá nhân ông Ngô Tiến T là sự việc có thật, tuy nhiên đây chỉ là văn bản của ông Nguyễn Hữu A thư ký đội sản xuất 23-24 thôn HQ, trưởng thôn HQ là ông Nguyễn Hữu Đ, Chủ tịch UBND xã TG giai đoạn 1994-2004 là ông Vũ Văn S ký xác nhận về nội dung giao đất cho ông Ngô Tiến T chứ không phải Quyết định giao đất cá biệt của UBND xã TG. Văn bản này thì UBND xã TG không lưu, đã giao cho ông T giữ, nhưng ông T đã bị mất. Như vậy việc ông Nguyễn Hữu A thư ký đội sản xuất 23-24 thôn HQ, trưởng thôn HQ là ông Nguyễn Hữu Đ, Chủ tịch UBND xã TG giai đoạn 1994-2004 là ông Vũ Văn S đã cùng nhau ký văn bản giao đất giao 120m$^2$ của ông V, bà M, anh D cho ông T là trái thẩm quyền và trái với qui định của luật đất đai. Điều 21 Luật đất đai năm 1993 qui định: "*Việc quyết định giao đất đang có người sử D cho người khác chỉ được tiến hành sau khi có quyết định thu hồi đất đó*". Điều 24 Luật đất đai năm 1993 qui định: "*Thẩm quyền giao đất để sử D vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp được quy định như sau:Uỷ ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh giao đất cho các hộ gia đình và cá nhân*". Để đảm bảo tính khách quan và đánh giá chứng cứ một cách toàn diện, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn đã thu thập chứng cứ cụ thể như sau:

Ngày 17/12/2018, Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn đã tiến hành làm việc với ông Vũ Văn L, là cán bộ địa chính xã TG, ông L cho biết: Phần diện tích đất 120m$^2$ ruộng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông V mà ông Ngô Tiến T đang có tranh chấp thì không có quyết định thu hồi phần diện tích đất này để giao cho ông T. Phần diện tích đất đang tranh chấp này từ năm 1999 đến nay không có ai canh tác gì. Việc chính quyền thôn HQ có biên bản giao 120m$^2$ đất hiện đang tranh chấp nằm trong phần diện tích mà gia đình ông Nguyễn Hữu V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có) cho ông Ngô Tiến T là trái thẩm quyền. Việc ông Ngô Tiến T đóng sản phẩm cho đội sản xuất như thế nào

UBND xã không biết, UBND xã TG chỉ thu sản phẩm trên phần diện tích ông Nguyễn Hữu V được cấp.

Ngày 15/04/2019, Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn gửi công văn số 76/CV – TA gửi Phòng tài nguyên môi trường thị xã Từ Sơn với nội dung đề nghị phòng Tài nguyên và môi trường cho ý kiến về việc " Quá trình và hiện trạng sử dụng diện tích đất 120m$^2$ đang có tranh chấp từ năm 1995 đến nay, UBND thị xã Từ Sơn có ra Quyết định thu hồi diện tích 120m$^2$ đất nông nghiệp theo đề nghị của gia đình ông V không? Đồng thời UBND thị xã Từ Sơn có giao đất cho ông Ngô Tiến T diện tích thửa đất có diện tích 120m$^2$ của gia đình ông V không?". Ngày 05/06/2019, phòng Tài nguyên môi trường có công văn số 53A/CV - TNMT phúc đáp văn bản số 76 của Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn với nội dung: Căn cứ hồ sơ địa chính được văn phòng đăng ký đất đai thị xã Từ Sơn cung cấp đối với thửa đất của hộ ông Nguyễn Hữu V tại xứ ĐD Giữa thôn HQ, xã TG, thị xã Từ Sơn, phòng Tài nguyên môi trường trả lời như sau:

+ Thửa đất số 221, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.367m$^2$, xứ ĐD Giữa, thôn HQ, xã TG; mục đích sử dụng: lúa được UBND huyện Tiên Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/10/1995, số phát hành giấy CN: G339504, chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Hữu V;

+ Thực hiện dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai tại xã TG thì thửa đất số 221, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.367m2; xứ ĐD Giữa của hộ ông Nguyễn Hữu V nay là thửa đất số 1678, tờ bản đồ số 8, diện tích 1302,5m$^2$; xứ ĐD Giữa;

+ Thửa đất số 1678, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.302,5m2; xứ ĐD Giữa, thôn HQ, xã TG; Mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước được Sở tài nguyên môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/05/2015, số phát hành giấy CN161907, chủ sử dụng đất là hộ ông Nguyễn Hữu V, bà Nguyễn Thị M.

Phía nguyên đơn cho rằng hàng năm vẫn đóng thuế về việc sử dụng 120m$^2$. HĐXX xét thấy việc người sử dụng đất nông Nghiệp thì không phải đóng thuế đất Nông nghiệp theo điều 22 Luật đất đai năm 1993 và theo khoản 1, điều 33 luật đất đai năm 2003; khoản 1, điều 54 Luật đất đai năm 2013. Do vậy việc đóng thuế do ông T khai không phải là căn cứ chứng minh đó là quyền sử dụng đất của mình.

Từ những căn cứ và phân tích nêu trên, cần bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Tiến T, do bà Ngô Thị Đ đại diện kiện ông Nguyễn Hữu V, bà Nguyễn Thị M đòi phần diện tích đất120m$^2$ nằm trong tổng diện tích 1367m$^2$ thuộc thửa đất số số 221 (2), tờ bản đồ số 03 (nay là thửa đất số 1678, tờ bản đồ số 8, diện tích 1302,5m$^2$) tại thôn HQ, xã TG, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thuộc quyền sử dụng của ông V, bà M và anh D.

Đối với tiền đóng sản phẩm theo mùa vụ hàng năm của ông T và một số cây trồng đã bị ông V phá thì nguyên đơn cũng như bà Ngô Thị Đ không đề nghị giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết ở vụ án này.

[4]Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn không được HĐXX chấp nhận nên nguyên đơn là ông Ngô Tiến T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên ông Ngô Tiến T sinh năm 1933 trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa có đề nghị HĐXX được miễn án phí DSST, do vậy cần miễn án phí DSST cho ông T là phù hợp theo qui định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do ông T được miễn án phí DSST nên số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông T đã nộp ngày 18/6/2018 cần hoàn trả cho ông Ngô Tiến T là phù hợp.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Yêu cầu của ông Ngô Tiến T không được HĐXX chấp nhận nên ông T phải chịu các khoản chi phí tố tụng này. Xác nhận ông T đã nộp đủ số tiền xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 165, 166, 235, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 158, 163, 169, 688 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 53, khoản 1 điều 54, điều 59 Luật đất đai năm 2013; Điều 3 nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 về việc ban hành văn bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Tiến T về yêu cầu ông Nguyễn Hữu V, bà Nguyễn Thị M phải trả phần diện tích đất120$m^2$ nằm trong tổng diện tích 1367$m^2$ thuộc thửa đất số số 221 (2), tờ bản đồ số 03 (nay là thửa đất số 1678, tờ bản đồ số 8, diện tích 1302,5$m^2$) tại thôn HQ, xã TG, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Hữu V, bà Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Hữu D.

2. Về án phí: Miễn án phí DSST cho ông Ngô Tiến T. Hoàn trả cho ông Ngô Tiến T số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai số AA/2013/03369 ngày 18/6/2018 tại chi cục thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

3.Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Ông Ngô Tiến T phải chịu các khoản chi phí tố tụng này. Xác nhận ông T đã nộp đủ số tiền xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặtcó quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án (hoặc niêm yết bản án).

**Nơi nhận**:
- VKSND thị xã Từ Sơn;
- THADS thị xã Từ Sơn (khi án có hiệu lực PL);
- Phòng GĐ TAND Tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Tiến H**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA